





CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**



Hà Nội ,tháng 04 năm 2015



Số: 151/BC-NSC

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN
Năm báo cáo: 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Ngân Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100100199 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.
- Vốn điều lệ: 112.020.030.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2014): 176.838.684.261 đồng
- Địa chỉ: Số 01 – Đường TS01 – Khu Công nghiệp Tiên Sơn – Tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại: 0241 6263 679
- Số fax: 0241 6263 686
- Website: www.nganson.vn
- Mã cổ phiếu: NST

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Ngân Sơn, tiền thân là Công ty nguyên liệu thuốc lá Bắc, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty thuốc lá Việt nam (Vinataba), được thành lập theo quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất chế biến, kinh doanh và xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá. Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2014: 112.020.030.000 đồng. Ngày 29/12/2006 Công ty chính thức niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội (Nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

3. Ngành nghề và địa điểm kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng trọt, thu mua, sơ chế tách cọng, tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá và các sản phẩm nông nghiệp;
- Kinh doanh thuốc lá bao, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành thuốc lá; Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy, hải sản và hàng tiêu dùng.

- Sản xuất và mua bán vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu làm thuốc) và các sản phẩm nhựa;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh dịch vụ kho vận, kho ngoại quan;
- Kinh doanh các dịch vụ: ăn uống, nhà hàng, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát, karaoke, vũ trường, quán bar).
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar).
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định.
- Gia công, chế tạo, mua bán các sản phẩm cơ khí; Mua bán các thiết bị máy, phụ tùng.
- Ươm, nuôi trồng, mua bán hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cây bóng mát, cây công nghiệp, cây giống, dịch vụ bảo vệ thực vật.
- Chăn nuôi, mua bán, xuất khẩu vật nuôi lâm sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm).

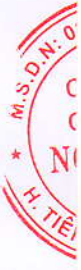
3.2. Địa điểm kinh doanh:

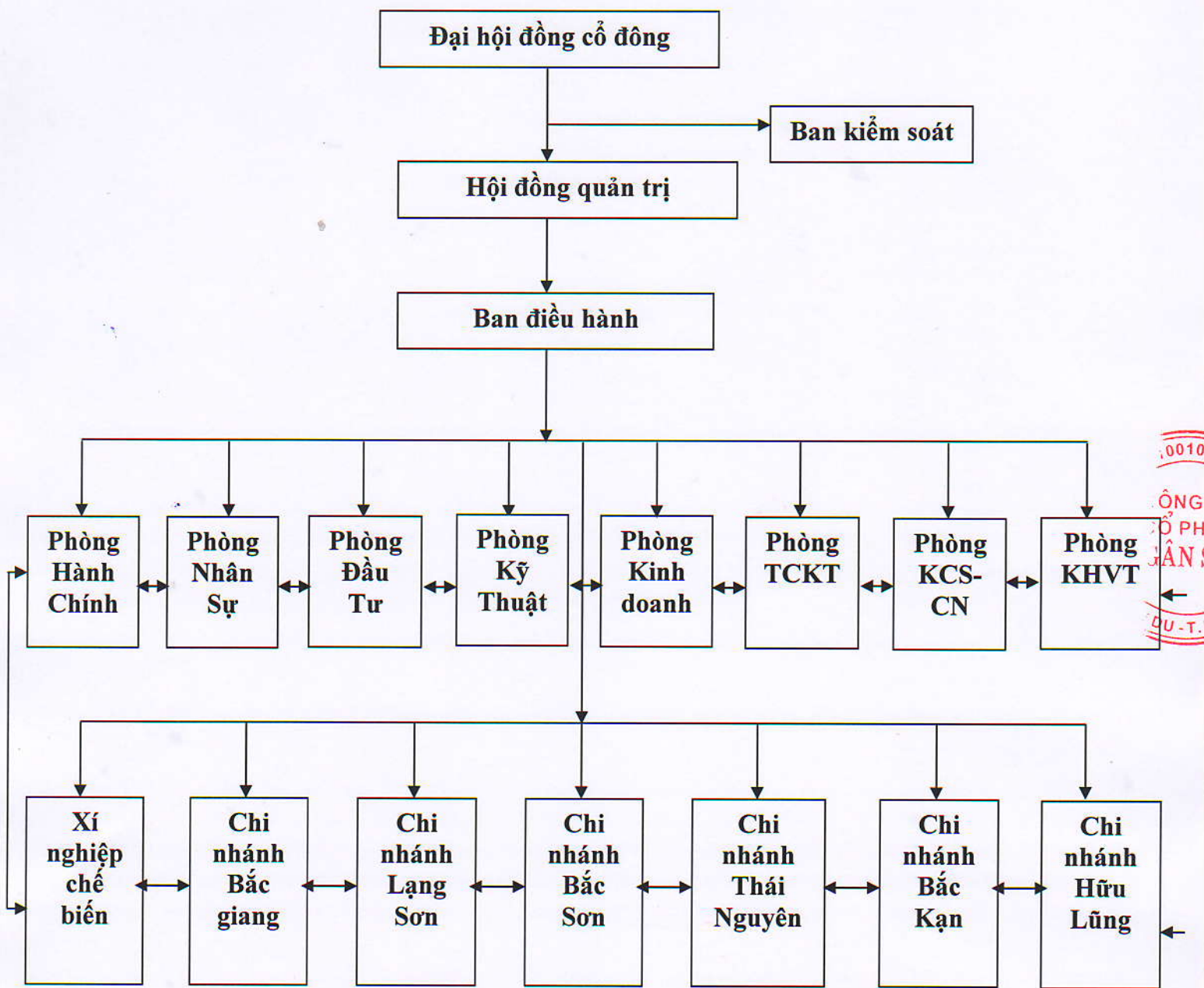
- Các tỉnh thành trong cả nước.
- Thị trường Trung Quốc, Anh, Bungari, Thụy Sĩ,...

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Ngân Sơn được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân theo các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty





5. Định hướng phát triển của Công ty

5.1. Mục tiêu:

Năm 2014, Công ty phấn đấu đạt các chỉ tiêu cơ bản sau: Doanh thu 890 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 21 tỷ đồng; Nộp ngân sách 4,5 tỷ đồng; tỷ lệ cổ tức 10%

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Mục tiêu trong giai đoạn 2013 – 2015: Diện tích, năng suất, sản lượng, Doanh thu, nộp ngân sách, lợi nhuận đảm bảo hiệu quả:

Năm 2013-2014: tăng 15%/năm

Từ năm 2015: tăng 20%/năm

- Tiếp tục cân đối vốn Điều lệ Công ty để phù hợp với yêu cầu kinh doanh mới;
- Phát huy và không ngừng phát triển thương hiệu Ngân Sơn trên thị trường quốc tế và nội địa, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty;
- Có giải pháp hợp lý để ổn định đầu tư phát triển vùng trồng, nâng cao chất lượng nguyên liệu trong nước và đáp ứng yêu cầu cho các đơn vị thuốc lá điều và xuất khẩu;
- Đa dạng hóa ngành nghề, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Đào tạo, phát triển, đáp ứng nguồn nhân lực theo yêu cầu đổi mới trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ, doanh thu giảm so kế hoạch và CKNT. Tuy nhiên, chỉ tiêu quan trọng là lợi nhuận thực hiện năm 2014 nhìn chung cơ bản thực hiện đạt so cùng kỳ năm trước, bên cạnh đó, Công ty đảm bảo được việc làm và thu nhập cho CBCNV, sản xuất công nghiệp được duy trì, công tác sản xuất nông nghiệp (diện tích trồng, thu hoạch,...) theo kế hoạch. Kết quả sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

- Doanh thu: đạt 720.676 tr.đồng, bằng 100,1% so kế hoạch điều chỉnh Tổng công, bằng 81,0% so Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty và bằng 82,8% so CKNT.

- Lợi nhuận trước thuế: đạt 17.563 tr.đồng, bằng 103,3% so kế hoạch điều chỉnh Tổng công ty, bằng 83,6% so Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty và bằng 97,4% so CKNT.

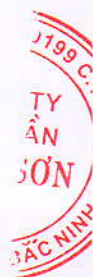
- Nộp Ngân sách đạt 5.467 triệu đồng, bằng 136,7% so kế hoạch điều chỉnh Tổng công ty giao, bằng 121,5% so Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty và bằng 19,5% so CKNT. Chỉ tiêu nộp Ngân sách ảnh hưởng chủ yếu là do chính sách thuế của Nhà nước thay đổi đối với sản xuất, kinh doanh nguyên liệu (không tính thuế VAT đối với nguyên liệu).

- Tỷ lệ cổ tức: 10%, bằng 100% so Nghị quyết ĐHĐCĐ và 100% so CKNT.

2. Tổ chức nhân sự:

Sự phát triển của doanh nghiệp luôn song hành với công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao bổ túc trình độ chuyên môn, hiểu biết chính trị, kinh tế, năng lực quản lý, kỹ năng điều hành cho toàn bộ hệ thống cán bộ quản lý các cấp được duy trì thường xuyên liên tục.

Năm 2014, thông qua nhiều hình thức và chương trình khác nhau, Công ty đã tiến hành triển khai tổ chức đào tạo cho 556 lượt người với 13 lớp tập huấn ở các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau:



TT	Nội dung đào tạo	Số lượng CBCNV tham gia
I. Tổ chức đào tạo, tập huấn tại Công ty		533
1	Tập huấn chính sách thuế mới năm 2014	46
2	Đào tạo cán bộ giám sát phân cấp đồng kiện đợt 1 và 2	61
3	Tập huấn nghiệp vụ đánh giá chất lượng cảm quan	17
4	Huấn luyện ATVSLĐ	334
5	Đào tạo ISO cho cán bộ kiêm nhiệm phụ trách đợt 1 và 2	75
II. Đào tạo tại các trung tâm		23
1	Tập huấn áp dụng hệ thống thông quan tự động	04
2	Tập huấn cho người nộp thuế và đối thoại Doanh nghiệp	02
3	Bồi dưỡng Nghiệp vụ kế toán trưởng	02
4	Bảo trì Công nghiệp toàn diện	02
5	Tập huấn về luật đấu thầu và luật đất đai năm 2013	03
6	Tập huấn luật thi đua khen thưởng mới năm 2014	04
7	Tập huấn “Công tác quản lý môi trường trong Doanh nghiệp”	03
8	Tập huấn công tác minh bạch tài sản, thu nhập do Bộ Công thương tổ chức	03
Tổng cộng		556

Các trường hợp CBCNV tự túc đào tạo, đã được Công ty hỗ trợ về thời gian, vẫn được hưởng các chế độ lao động của Công ty.

*** Cơ cấu và chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý Công ty hiện nay:**

- Độ tuổi ≥ 50 : 8/36 $\approx 22,2\%$
- Độ tuổi 40 - dưới 50: 14/36 $\approx 38,9\%$
- Độ tuổi < 40 : 14/36 $\approx 38,9\%$
- Tỷ lệ cán bộ nữ: 5/36 $\approx 13,9\%$
- Tỷ lệ đảng viên: 36/36 đạt 100%
- Trình độ học vấn: Trên đại học 9/36 chiếm 25%
- Đại học, Cao đẳng: 24/36 chiếm 66,7%

Trung cấp:

3/36 chiếm 8,33%

*** Phân tích chất lượng lao động toàn công ty:**

- Tổng số lao động có hợp đồng từ 1 năm trở lên là 451 người (nam 286/451 ≈ 63,4%; nữ 165/451 ≈ 36,6%)

- Độ tuổi bình quân:

Dưới 30 tuổi: 146 người ≈ 32,4%

Từ 30 - 40 tuổi: 225 người ≈ 49,8%

Từ 41 - 50 tuổi: 53 người ≈ 11,8%

Trên 50 tuổi: 27 người ≈ 6%

- Trình độ học vấn:

Trên Đại học: 09 người ≈ 2%

Đại học, Cao đẳng: 144 người ≈ 31,9%

Trung cấp: 64 người ≈ 14,2%

Công nhân kỹ thuật, LĐ phổ thông: 234 người ≈ 51,9%

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. HỌ VÀ TÊN: VƯƠNG ĐÌNH HẢI

- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/08/1962
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 144 - Tổ 6 - Sóc Sơn - Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0913 598 024
- Trình độ : Thạc sỹ kinh tế

2. HỌ VÀ TÊN: NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 6, Ngõ 60, Yên Lạc, Hà Nội

- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ : Thạc sỹ

3. HỌ VÀ TÊN: ĐOÀN NGỌC TUẤN

- Chức vụ : Ủy viên Hội Đồng Quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : P. Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc
- Trình độ

4. Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/6/1973
- Nơi sinh : Từ Liêm, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Dốc Bạc, Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0989 169 979
- Trình độ : Thạc sỹ

5. Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC THANH

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/04/1964
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Nhà 4B, Khu tập thể xăng dầu, Ngõ 8, đường Nguyễn Khuyến, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 091 324 8901
- Trình độ : Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Tự động hóa

6. Họ và tên: NGUYỄN CHÍ THANH

- Chức vụ : Phó Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/12/1974
- Nơi sinh : Hà Nội

0100
CỘNG
HỘ
GÂN
DU-T

- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 4A Lê Thánh Tông, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 094 612 1974
- Trình độ : Thạc sỹ

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT đến 31/12/2014:

- Ông Vương Đình Hải:** Chủ tịch Hội đồng quản trị
Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.927.168 cổ phần
Trong đó: Sở hữu nhà nước: 2.916.930 cổ phần
(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)
Sở hữu cá nhân: 10.328 cổ phần
Tỷ lệ nắm giữ: 26,13%
- Ông Nguyễn Đình Trường :** Ủy viên Hội đồng quản trị
Số lượng nắm giữ: 474.298 cổ phần
Trong đó: Sở hữu nhà nước: 474.298 cổ phần Không
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Tỷ lệ nắm giữ: 4,23%
- Ông Đoàn Ngọc Tuấn:** Ủy viên Hội đồng quản trị
Số lượng nắm giữ: 722.640 cổ phần
Trong đó: Sở hữu tập thể: 722.640 cổ phần
(Đại diện cho Công ty TNHH 1 thành viên Thuốc lá Thăng Long)
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Tỷ lệ nắm giữ: 6,45%
- Ông Nguyễn Anh Tuấn:** Ủy viên Hội đồng quản trị
Số lượng nắm giữ: 958.499 cổ phần
Trong đó: Sở hữu Nhà nước: 948.595 cổ phần
(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)
Sở hữu cá nhân: 9.904 cổ phần
Tỷ lệ nắm giữ: 8,56%
- Ông Nguyễn Đức Thanh:** Ủy viên Hội đồng quản trị
Số lượng nắm giữ: 528.839 cổ phần
Trong đó: Sở hữu Nhà nước: 948.595 cổ phần
(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Tỷ lệ: 8,47%

3. Tình hình tài chính

3.1 Tình hình tài chính

0015
CÔNG TY
HÀNG
SƠN
BẮC NI

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1. Tổng tài sản	705.259	557.408	-21%
2. Doanh thu thuần	879.450	723.663	-18%
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD	17.271	17.463	+01%
4. Lợi nhuận khác	769	99	-87%
5. Lợi nhuận trước thuế	18.041	17.562	-03%
6. Lợi nhuận sau thuế	13.502	13.806	+02%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10	10	100%

3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Khả năng sinh lời:

Hệ số LNST/Doanh thu thuần (Rp) = 1,9%

Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (Re) = 12,32%

Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA) = 2,47%

- Khả năng thanh toán:

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Rtq) = 1,46 lần

(Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả)

Hệ số thanh toán ngắn hạn (Rc) = 1,11 lần

(Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn)

Hệ số thanh toán nhanh (Rq) = 0,361 lần

[(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Tổng nợ ngắn hạn]

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Các hệ số cơ cấu vốn (%)

Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn = 68,27%

Hệ số NVCSH/Tổng nguồn vốn = 31,72%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)

Vòng quay hàng tồn kho = 2,34

(Giá vốn hàng bán/Trị giá hàng tồn kho)

Vòng quay các khoản phải thu = 3,92

(Doanh thu thuần/Số dư bình quân các khoản phải thu)

Vòng quay vốn chủ sở hữu = 4,1

(Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu)

Doanh thu thuần/Tổng tài sản = 1,3

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 20.110 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

+ Cổ phiếu thường: 11.202.003 cổ phiếu

- + Cổ phiếu ưu đãi: Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại
 - + Cổ phiếu thường: 11.202.003 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu ưu đãi: Không
- Số liệu cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
- Cổ tức: 10% bằng tiền mặt.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

4.1. Cơ cấu cổ đông

4.1.1. Cổ đông trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước đến 09/11/2014:

+ Phần vốn nhà nước:	6.463.589 cổ phần
+ Cán bộ công nhân viên Công ty:	459.042 cổ phần
+ Tổ chức, cá nhân bên ngoài:	3.665.781 cổ phần
+ Tổ chức, cá nhân nước ngoài:	616.591 cổ phần

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung:

+ Tên: Tổng công ty thuốc lá Việt nam (cổ đông nhà nước)

Địa chỉ liên lạc: 83A Lý Thường Kiệt – Hà Nội

Ngành nghề hoạt động: Sản xuất kinh doanh thuốc lá bao, kinh doanh đa ngành.

Số lượng cổ phần sở hữu trong Công ty: 6.463.589 cổ phần; Tỷ lệ: 57,7%

+ Tên: Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn

Địa chỉ liên lạc: Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I, C65/I-C70/I, Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh thuốc lá bao

Số lượng cổ phiếu sở hữu trong Công ty: 681.346 cổ phần; Tỷ lệ: 6,08%

+ Tên Công ty TNHH Một thành viên thuốc lá Thăng Long

Địa chỉ: 235 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà nội

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh thuốc lá bao

Số lượng cổ phần sở hữu trong Công ty: 722.640 cổ phần; Tỷ lệ: 6,45%

+ Công ty TNHH Một thành viên Viện kinh tế kỹ thuật thuốc lá

Địa chỉ: 235 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học kỹ thuật, sản xuất kinh doanh thuốc lá lá, kinh doanh thuốc lá bao,...

Số lượng cổ phần sở hữu trong Công ty: 566.101 cổ phần; Tỷ lệ: 5,06%

4.1.2. Cổ đông nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài đến hết 9/11/2014:

Cổ đông tổ chức: 290.900 cổ phần

Cổ đông cá nhân:: 325.691 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần Công ty: 5,5%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Ngày 09/11/2014, Công ty chuyển đổi 40% trái phiếu sang cổ phiếu theo phương án phát hành đã được Đại hội cổ đông thông qua (phát hành được 42,8 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi) tăng thêm vốn đầu tư của chủ sở hữu: 17.160.500.000 đồng.

III. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương hướng hoạt động năm 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

1. Tình hình chung:

a. Thuận lợi:

- Thị trường tiêu thụ xuất khẩu năm 2014 có nhiều chuyển biến tích cực, các sản phẩm uy tín về chất lượng của Công ty tiếp tục duy trì ổn định và gia tăng sản lượng cũng như thị trường tiêu thụ mở rộng. Bên cạnh đó sản phẩm cấp thấp (cấp 4) của Công ty có những tín hiệu tiêu thụ với sản lượng tăng so CKNT.

- Sản lượng đầu vào sơ chế tách cọng năm 2014 khá chủ động, dây chuyền sản xuất vận hành ổn định đáp ứng nhu cầu khách hàng, sản xuất được liên tục.

- Lãi suất huy động và cho vay giảm so CKNT là điều kiện thuận lợi trong hoạch định giá mua, tiêu thụ nguyên liệu vụ Xuân 2014.

b. Khó khăn:

Luật Phòng Chống tác hại Thuốc lá và chính thức có hiệu lực từ tháng 5/2013 và việc in hình cảnh báo sức khỏe thuốc lá bao từ tháng 12/2013 ảnh hưởng đến phát triển của ngành thuốc lá nói chung và lĩnh vực nguyên liệu thuốc lá nói riêng. Tình hình tiêu thụ nguyên liệu trong nước sụt giảm mạnh (giảm 50% sản lượng so kế hoạch năm và CKNT), đặc biệt sản lượng tiêu thụ của Công ty cho các Công ty thuốc lá điều thành viên Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam năm 2014 so năm 2013 giảm mạnh, một số đơn vị lớn như Công ty Thuốc lá Thăng Long – giảm 60%, công ty Thuốc lá Sài Gòn giảm 43% đã ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2014 của Công ty.

- Lượng hàng tồn kho tương đối lớn (khoảng 3.000 tấn thành phẩm), giá trị tồn kho bình quân 250 tỷ đồng, tốc độ luân chuyển hàng tồn kho chậm, nhiều chủng loại hàng tồn từ năm 2013 chuyển sang không tiêu thụ được năm 2014 phải giảm giá bán hàng. Vì vậy, ảnh hưởng đến dòng tiền, sức ép vốn vay đến hạn phải trả, chi phí tài chính trong cơ cấu giá thành tăng cao.

- Vốn hoạt động sản xuất kinh doanh còn hạn chế so với tốc độ tăng trưởng phát triển của Công ty, vốn chủ yếu dựa vào nguồn vốn vay ngân hàng ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công nợ phải thu khách hàng thanh toán chậm và quá hạn so với hợp đồng ký kết ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ Đại hội

Năm 2014, sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành được thể hiện chặt chẽ, thường xuyên, tích cực chủ động phân tích dự báo tình hình, nhận định đánh giá các yếu tố liên quan, có tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị sớm thống nhất quan điểm và đưa ra các quyết sách định hướng đúng làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức triển khai, kinh doanh và nỗ lực cố gắng cao nhất đạt được mục tiêu kế hoạch. Đặc biệt là kinh doanh có hiệu quả trong tình hình chung các doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều biến động phức tạp do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014 được thể hiện:

- Ngày 11/3/2014: Hội đồng quản trị họp phiên họp thường kỳ đầu năm, thông qua kết quả sản xuất kinh doanh chính thức của Công ty năm 2013; Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013; Chi phí thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2013; Mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2014; Phương án thưởng Ban quản lý điều hành; Thông qua kết quả SXKD quý 1/2014 và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2014; Thông qua Bộ định mức KTKT của Công ty năm 2014; Kế hoạch quỹ lương năm 2014 và kế hoạch định biên lao động Công ty năm 2014; Thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Ngân Sơn năm 2014; Thời gian và mức chi trả cổ tức năm 2013; Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014; Công tác đề cử, giới thiệu nhân sự của Vinataba tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Ngân Sơn nhiệm kỳ 2014-2019; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty cổ phần Ngân Sơn và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Ngày 25/4/2014, dưới sự chỉ đạo, điều hành của HĐQT, trong đó đại diện phân vốn Tổng công ty thuốc lá Việt Nam có 3/5 thành viên (60% số thành viên HĐQT) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng quản trị lần thứ hai. Trong đó: Thông qua báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014; Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2013 và chương trình công tác năm 2014 của Hội đồng quản trị; Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013 và kế hoạch hoạt động năm 2014; Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013; Chốt danh sách cổ đông để tiến hành trả cổ tức năm 2013; Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2014; Thông qua thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2013; Mức thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2014; Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua niêm yết bổ sung số lượng trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu đợt 2,3; Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019.

- Ngày 12/5/2014: Hội đồng quản trị họp phiên thường kỳ đánh giá và thông qua kết quả SXKD 4 tháng đầu năm 2014, dự kiến kế hoạch SXKD quý 2 năm 2014; Phân công các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019; Thông qua, ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty cổ phần Ngân Sơn; Quy chế Thiết chế Văn hóa Công ty cổ phần Ngân Sơn và Quy trình thu mua nguyên liệu Thuốc lá của Công ty cổ

10199
TY
ÂN
SƠN
BẮC NINH

phần Ngân Sơn; Xem xét công tác nhân sự của Công ty cổ phần Ngân Sơn và một số nội dung quan trọng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Ngày 09/7/2014: Hội đồng quản trị họp phiên thường kỳ đánh giá và thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm, dự kiến kết quả SXKD quý 3 và ước lũy kế 9 tháng năm 2014; Xem xét, thông qua phương án thoái vốn góp của Công ty cổ phần Ngân Sơn tại Công ty cổ phần thương mại Vinawa; Xem xét, thông qua phương án bán giảm giá hàng tồn kho chủng loại NS-XL; Xem xét công tác nhân sự cấp cao của Công ty cổ phần Ngân Sơn.

- Ngày 18/10/2014: Hội đồng quản trị họp phiên thường kỳ, thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm; Phương hướng kế hoạch SXKD quý 4 và giải pháp hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2014; Xem xét, thông qua định hướng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015; Xem xét, thông qua Quy chế làm việc giữa Đảng ủy, HĐQT, Giám đốc và các Tổ chức chính trị - xã hội Công ty; Xem xét, thông qua: Thành lập tổ tái cấu trúc Công ty, Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống tiêu cực và tham nhũng, Thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty, Thành lập tổ rà soát các quy chế, quy định của Công ty; Xem xét, thông qua sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung phụ lục Quy chế tiền lương, tiền thưởng Công ty; Bổ nhiệm tạm thời thành viên HĐQT Công ty.

- Ngày 12/12/2014: Hội đồng quản trị họp phiên họp cuối năm, đánh giá và xem xét, thông qua các giải pháp kết quả SXKD năm 2014; Xem xét, thông qua các chỉ tiêu định hướng kế hoạch SXKD năm 2015; Kiểm điểm công tác của HĐQT Công ty năm 2014 và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.

- Ngày 06/3/2015: HĐQT họp phiên thường kỳ xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2014; Ngày cuối cùng chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2014; Thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ năm 2015 và thời gian trả cổ tức năm 2014; Trình ĐHĐCĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015; Dự kiến kết quả SXKD quý 1 và kế hoạch quý 2/2015; Thông qua quỹ tiền lương năm 2015 và danh sách cán bộ đến thời hạn bổ nhiệm lại; Xem xét, thông qua Bộ định mức KTKT năm 2015; Thống nhất phân công lại nhiệm vụ của HĐQT Công ty; Một số nội dung quan trọng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trong thời gian giữa 2 kỳ Đại hội thường niên, HĐQT đã họp 07 phiên. Tại các phiên họp, HĐQT tập trung đánh giá kết quả SXKD từng giai đoạn, định hướng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD cho kỳ tiếp sau và cả năm. Trong đó có một phiên đặc biệt là tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, ngày 25/4/2014, Đại hội đã bầu HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2014-2019 và quyết nghị nhiều nội dung quan trọng, trọng tâm là thông qua kết quả SXKD và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước và định hướng các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm tới.

3. Đánh giá chung kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

Mặc dù tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, thách thức, các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Ngân Sơn gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư SXKD và nhiều hoạt động khác. Nhưng HĐQT và Ban điều hành đã hợp tác chặt chẽ, toàn tâm, toàn ý với tinh thần trách nhiệm cao, đã có nhiều chủ trương định

hướng đúng, nhiều giải pháp triển khai tích cực quyết liệt và linh hoạt trong quản lý điều hành SXKD trên tất cả các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, thương mại và một số hoạt động xã hội khác. Tích cực tìm hiểu và nhạy bén nắm bắt tình hình thị trường, khai thác nguồn và dự báo nhu cầu của khách hàng; Khắc phục nhược điểm, đổi mới cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm mới; tạo nhiều mối quan hệ tốt về đối nội, đối ngoại, khéo léo xử lý, giải quyết công nợ để giảm chi phí lãi vay, huy động kịp thời và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông đã quyết nghị và thỏa thuận giao của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam; Kết quả cụ thể như Ban điều hành đã trình bày trước Đại hội.

Một lần nữa, Công ty cổ phần Ngân Sơn đã vượt qua nhiều thách thức quyết liệt của cơ chế thị trường, một năm nữa chúng ta tiếp tục hoàn thành các mục tiêu cơ bản về SXKD, Công ty cổ phần Ngân Sơn đã được Bộ Công thương tặng Bằng khen trong phong trào thi đua năm 2014.

Một số bài học kinh nghiệm

- Hội đồng quản trị luôn hợp tác chặt chẽ, kề vai sát cánh với tinh thần trách nhiệm cao bên cạnh Ban điều hành.

- Đảng bộ Công ty – Tổ chức Đảng trong doanh nghiệp cổ phần, Nhà nước sở hữu trên 50% vốn Điều lệ đã xác định rõ và phát huy tốt vai trò lãnh đạo của mình; Tôn trọng và phối hợp chặt chẽ với HĐQT Ban điều hành, phát huy được sức mạnh tập thể của các tổ chức đoàn thể Công đoàn và Đoàn Thanh niên cùng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể người lao động & các cổ đông hiện hữu, duy trì Công ty ổn định và liên tục phát triển trong nhiều năm qua.

- Trong quan hệ đối ngoại, HĐQT – Ban điều hành luôn tranh thủ, tạo sự hợp tác ủng hộ của các cơ quan quản lý chức năng, lãnh đạo cấp ủy và chính quyền địa phương các vùng đầu tư. Có chính sách đầu tư ổn định, rõ ràng, quan tâm thiết thực đến lợi ích bà con nông dân vùng trồng, vì vậy trong nhiều năm qua diện tích vùng trồng của Công ty trên các địa bàn được giữ ổn định.

- Sự hỗ trợ hiệu quả về định hướng và tạo nguồn lực của Tổng công ty TLVN, các cổ đông chiến lược, các đơn vị đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế tạo điều kiện cho Công ty phát triển cân đối, đồng bộ trên các lĩnh vực sản xuất đầu tư nông nghiệp - công nghiệp chế biến và thương mại.

Với kết quả SXKD đạt được trong năm 2014, cùng với quá trình phát triển, tăng trưởng có tính chất hệ thống từ lúc cổ phần hóa Công ty đến nay, HĐQT và Giám đốc điều hành Công ty thống nhất tự đánh giá:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý điều hành giữa 2 kỳ Đại hội 2014 – 2015

IV. Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ, doanh thu giảm so kế hoạch và CKNT. Tuy nhiên, chỉ tiêu quan trọng là lợi nhuận thực hiện năm 2014 nhìn chung cơ bản thực hiện đạt so cùng kỳ năm trước, bên cạnh đó, Công ty đảm bảo được việc làm và thu nhập cho CBCNV, sản xuất công nghiệp được duy trì, công tác sản xuất nông nghiệp (diện tích trồng, thu hoạch,...) theo kế hoạch. Kết quả sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

- Doanh thu: đạt 720.676 tr.đồng, bằng 100,1% so kế hoạch điều chỉnh Tổng công, bằng 81,0% so Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty và bằng 82,8% so CKNT.

- Lợi nhuận trước thuế: đạt 17.563 tr.đồng, bằng 103,3% so kế hoạch điều chỉnh Tổng công ty, bằng 83,6% so Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty và bằng 97,4% so CKNT.

- Nộp Ngân sách đạt 5.467 triệu đồng, bằng 136,7% so kế hoạch điều chỉnh Tổng công ty giao, bằng 121,5% so Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty và bằng 19,5% so CKNT. Chỉ tiêu nộp Ngân sách ảnh hưởng chủ yếu là do chính sách thuế của Nhà nước thay đổi đối với sản xuất, kinh doanh nguyên liệu (không tính thuế VAT đối với nguyên liệu).

- Tỷ lệ cổ tức: 10%, bằng 100% so Nghị quyết ĐHĐCĐ và 100% so CKNT.

Chỉ tiêu	ĐVT	NQĐHĐCĐ năm 2014	TH năm 2014	Tỷ lệ %	
				TH/NQ	TH/CKNT
1. Doanh thu	Tr.đ	890.000	720.676	81,0	82,8
2. Lợi nhuận	Tr.đ	21.000	17.563	83,6	97,4
3. Nộp Ngân sách	Tr.đ	4.500	5.467	121,5	19,5
4. Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	100,0	100,0

2. Đánh giá hoạt động SXKD năm 2014 theo lĩnh vực hoạt động:

2.1. Về thị trường thu mua: Thị trường thu mua vụ Xuân 2014 nhìn chung cạnh tranh không gay gắt do ảnh hưởng bởi nhu cầu của các công ty thuốc lá điều giảm. Bên cạnh đó, năm 2014 các công ty thuốc lá điều trong nước chuyển đổi cơ cấu, tỷ lệ mua sản lượng cấp cao trong cơ cấu giao nhận tăng 10% và giảm tỷ lệ cấp trung và cấp thấp, tạo áp lực đến công tác thu mua nguyên liệu của Công ty.

Trên cơ sở cân đối sản lượng thu mua, giao nhận, vụ Xuân 2014, Công ty đã điều chỉnh giảm sản lượng thu mua, đồng thời chỉ đạo các đơn vị tập trung thu mua sản phẩm cấp cao, đồng thời giảm sản lượng mua cấp thấp và trọng tâm mua sản phẩm từ diện tích đầu tư trực tiếp nhằm cung ứng cho khách hàng trong và ngoài nước. Kết quả sản lượng thu mua vụ Xuân 2014 đạt 6.000 tấn nguyên liệu, trong đó tỷ lệ nguyên liệu cấp cao (mẫu BAT và cấp 1,2) đạt gần 50% tổng sản lượng thu mua. Vụ Xuân 2014, nhìn chung công tác thu mua nguyên liệu đạt yêu cầu theo kế hoạch đề ra.

2.2. Về tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá: Sản lượng tiêu thụ giảm mạnh so kế hoạch xây dựng và cùng kỳ năm trước: Năm 2014 đạt 6.723 tấn (kể cả xuất khẩu), giảm 2.150 tấn so kế hoạch năm 2014, giảm 25% so kế hoạch năm 2014 và giảm 22% so CKNT (năm 2014 mức tiêu thụ sản lượng là mức thấp nhất kể từ năm 2006 đến nay). Nguyên nhân chính sản lượng tiêu thụ giảm mạnh, do tình hình tiêu thụ trong nước của Công ty cho các công ty Thuốc lá điều thành viên Tổng công ty năm 2014 giảm mạnh.

2.3. *Thị trường tiêu thụ xuất khẩu:* sản lượng tiêu thụ xuất khẩu năm 2014 của Công ty có chuyển biến tích cực và tăng trưởng khá so kế hoạch và CKNT, cụ thể: Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2014 đạt: 2.366 tấn thành phẩm, tăng gần 22% so kế hoạch và tăng 72,8% so CKNT. Kim ngạch xuất khẩu đạt 10,2 triệu USD, bằng 124% so kế hoạch và bằng 136% so CKNT. Sản lượng tiêu thụ xuất khẩu (tăng khoảng 400 tấn so kế hoạch) đã hỗ trợ một phần sản lượng tiêu thụ giảm nội địa trong nước. Tuy nhiên, sản lượng xuất khẩu tăng chưa bù đắp được phần sản lượng thiếu hụt trong nước năm 2014 của Công ty.

2.4. *Về tình hình tồn kho:*

Do sản lượng tiêu thụ cho các công ty thuộc lá thành viên trong Tổng công ty năm 2014 giảm 50% so với CKNT, dẫn tới sản lượng tồn kho chuyển sang 2015 khá lớn, với sản lượng tồn kho 3.200 tấn, giá trị tồn kho khoảng 270 tỷ đồng.

2.5. *Tình hình sản xuất công nghiệp:* Sản xuất công nghiệp năm 2014 nguồn nguyên liệu đầu vào chủ động, dây chuyền chế biến hoạt động ổn định và sản xuất liên tục. Công ty đã có nhiều giải pháp sắp xếp, bố trí sản xuất sơ chế tách cọng hợp lý (sản xuất 2 ca kéo dài,...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Kết quả sản lượng thực hiện tăng so với kế hoạch 2.600 tấn thành phẩm, tương đương tăng 17,3% (17.600 tấn thành phẩm sơ chế/15.000 tấn kế hoạch).

2.6. *Về hoạt động góp vốn liên kết:* Công ty cổ phần chứng khoán Nhất Việt lợi nhuận năm 2014 là 5.731 triệu đồng và Công ty đã hoàn nhập dự phòng được 279 triệu đồng. Đối với Công ty cổ phần Vinawa đang tiến hành các thủ tục giải thể doanh nghiệp, khả năng mất 100% vốn góp của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã trích lập dự phòng 100%.

2.7. *Công tác Chứng khoán:* Chuyển đổi xong 40% trái phiếu sang cổ phiếu. Tổng số trái phiếu chuyển đổi là 171.605 trái phiếu, tương đương 1.716.050 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này Công ty sẽ thực hiện niêm yết sau khi kiểm toán báo cáo tài chính năm .Nhu vậy, Vốn Điều lệ của Công ty sau chuyển đổi từ 94.859.530.000 đồng lên 112.020.030.000 đồng và theo đó, phần vốn Tổng công ty tăng lên chiếm 57,7% Vốn điều lệ Công ty.

2.8. *Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:* Năm 2014 Công ty hoàn thành xong và đưa vào sử dụng kho nguyên liệu và thành phẩm (7.000 m²) tại KCN Tiên Sơn đúng tiến độ đề ra.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

2.1. Mục tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2015:

Căn cứ vào đặc điểm tình hình, các cơ hội và rủi ro trong năm 2015, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu: 730 tỷ đồng, bằng 101,3% so thực hiện năm 2014.
- Kim ngạch xuất khẩu: 8,6 triệu USD, bằng 82,3% so thực hiện năm 2014.
- Lợi nhuận: 18.500 triệu đồng, bằng 105,7% so thực hiện năm 2014.
- Nộp Ngân sách ước đạt 5.000 triệu đồng, bằng 91,5% so thực hiện 2014
- Tỷ lệ cổ tức: 10%, bằng 100% so thực hiện năm 2014.



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị Tính	TH 2014	KH 2015	Tỷ lệ % KH 15/ TH 14
1	Doanh thu	Tr.đồng	720.676	730.000	101,3
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	17.563	18.500	105,7
3	Nộp Ngân sách	Tr.đồng	5.467	5.000	91,5
4	Tỷ lệ cố tức (%)		10,0	10,0	100,0

2.2. Các giải pháp để đảm bảo thực hiện kế hoạch năm 2015

a. Công tác sản xuất và tiêu thụ nguyên liệu

- Xác định mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu các công ty Thuốc lá điều và xuất khẩu năm 2015 Công ty tập trung nguồn lực:

+ Về Con người: Tập trung cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao và có kinh nghiệm trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất nguyên liệu để cải thiện và nâng cao năng suất, chất lượng.

+ Hỗ trợ chính sách: Hỗ trợ không thu hồi (hạt giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, than sấy, giá mua,...) giá trị khoảng 800 triệu đồng.

- *Diện tích, sản lượng*: Triển khai diện tích trồng 5.000 ha (trong đó thực hiện: 1.500 ha diện tích chất lượng cao và 420 ha diện tích “Hái đúng – Sấy đúng”) với năng suất 1,8 -2,0 tấn/ha; Sản lượng thu hoạch đạt 9.500 tấn. Trong đó, tập trung thu mua sản phẩm theo các mục tiêu chất lượng đáp ứng yêu cầu khách hàng với sản lượng thu mua hợp lý, đảm bảo tồn kho tối thiểu cụ thể:

+ Sản lượng thu mua: 7.500 tấn nguyên liệu, trong đó thực hiện đạt kế hoạch 1.935 tấn sản phẩm chất lượng cao (1.715 tấn mẫu hàng năm và 220 tấn mẫu mới “hái đúng-sấy đúng”) cung ứng Công ty liên doanh BAT-Vinataba và các nhà máy thuốc lá điều có nhu cầu.

+ Chất lượng sản phẩm: Đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, phân đầu cấp 1+2 đạt 50%; riêng sản lượng cấp 3,4 điều chỉnh linh hoạt trong thu mua trên cơ sở cân đối sản lượng tiêu thụ, hạn chế thấp nhất sản lượng tồn kho, tăng tối đa hiệu quả sản phẩm.

+ Công tác quản lý thu mua: Chủ động xây dựng phương án mua hợp lý, hiệu quả trên cơ sở cân đối linh hoạt về sản lượng tiêu thụ, sản lượng sản xuất và sản lượng tại các khu vực. Điều phối công tác thu mua, phân cấp đóng kiện đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất sơ chế tách cọng, đẩy nhanh tiến độ giao hàng cho khách hàng nhằm thu hồi vốn, giảm chi phí tài chính.

b. Công tác bảo quản và tiêu thụ sản phẩm:

Xác định tiêu thụ hàng tồn là trọng tâm để giải quyết “cục máu đông” và khơi thông điểm “nghẽn” cũng như tạo dòng tiền trả nợ ngân hàng, trong đó phân loại hàng tồn kho để ưu tiên cho kế hoạch bán hàng và bảo quản.

Năm 2015 trọng tâm là thị trường xuất khẩu, duy trì và tăng sản lượng bán hàng cho các công ty thuốc lá điều thành viên trong Tổng công ty. Bên cạnh đó, mở rộng thị trường tiêu thụ cho các khách hàng khác trong Hiệp hội Thuốc lá nhằm gia tăng thêm sản lượng bán hàng. Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2015 ước thực hiện 6.945 tấn, Cụ thể:

+ Thị trường nội địa:

Đối với thị trường truyền thống: Tiếp tục cung ứng ổn định các sản phẩm đã xác lập được uy tín về chất lượng, mẫu mã sản phẩm. Mục tiêu tiêu thụ sản phẩm năm 2015 dự kiến tiêu thụ cho các Công ty thuốc lá điều: 4.100 tấn, trong đó:

Công ty Thuốc lá Thăng Long: 2.400 tấn (tồn cũ: 1.100 tấn, 1.300 tấn theo HĐNT).

Công ty Thuốc lá Sài Gòn: 1.500 tấn (tồn cũ: 500 tấn, 1.000 tấn theo HĐNT).

Công ty khác (VPM, Long An, Bắc Sơn,...): 200 tấn, giảm 160 tấn so TH 2014.

Đối với thị trường mới – khách hàng bên ngoài Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam: năm bắt kịp thời tạo cơ hội phát triển thị trường mới cũng như mở rộng các quan hệ bạn hàng nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của Công ty có hiệu quả.

+ Thị trường xuất khẩu:

Đối với khách hàng truyền thống: Tiếp tục duy trì các mẫu hàng có uy tín, thương hiệu, đồng thời có các giải pháp tích cực phát triển các sản phẩm mới theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng tối đa thỏa mãn yêu cầu của khách hàng. Mục tiêu tiêu thụ sản phẩm năm 2015 tương đương sản lượng tiêu thụ năm 2014 đối với khách hàng truyền thống khoảng 2.200 tấn.

Đối với khách hàng khác: nghiên cứu và chào bán sản phẩm phù hợp nhu cầu tiêu thụ của khách hàng trên cơ sở các gout sản phẩm đã xác lập những năm trước cũng như thực tế về thị trường sản phẩm năm 2015 với mục tiêu bán được sản phẩm, đặc biệt là thị trường cấp trung và sản phẩm cấp thấp (cấp 3,4).

Đối với hoạt động nhập khẩu – sản xuất – xuất khẩu: Tích cực chủ động khai thác, những mẫu sản phẩm đã khẳng định và đáp ứng yêu cầu, đồng thời nghiên cứu các mẫu mã sản phẩm phù hợp nhằm gia tăng hoạt động sản xuất và bán hàng năm 2015.

c. Công tác sản xuất công nghiệp

Sản lượng sản xuất công nghiệp năm 2015 dự kiến 15.000 tấn thành phẩm, giảm 2.600 tấn so năm 2014. Để giữ được tỷ suất lợi nhuận dự kiến tương đương năm 2014, giải pháp đối với sản xuất công nghiệp đó là

- Sắp xếp lại tổ chức với quy mô phù hợp trong điều kiện sản xuất mới nhằm giảm giá thành sản xuất, tăng hiệu quả kinh doanh. Chủ động, linh hoạt các chính sách thu hút nguồn nguyên liệu đầu vào nhằm tăng sản lượng sơ chế tách cọng.

- Xem xét, thanh lý những cụm thiết bị dây chuyền không có nhu cầu sử dụng để lấy nguồn vốn, cải tiến thêm một số thiết bị phù hợp theo thực tế yêu cầu của khách hàng nhằm đáp ứng tốt nhất về chất lượng dịch vụ sơ chế tách cọng.

d. Tái cơ cấu tổ chức Công ty nhằm phù hợp điều kiện quy mô sản xuất, giảm chi phí, tăng năng lực cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD:

- Thực hiện tái cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, giảm tối đa các đầu mối trung gian, tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Về kiểm soát dòng vốn:

+ Tiếp tục cân đối nguồn vốn và xây dựng các giải pháp tài chính nhằm huy động vốn có hiệu quả đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, giảm thiểu chi phí tài chính để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

+ Chú trọng công tác quản lý tài chính và hiệu quả sử dụng vốn, thường xuyên rà soát các chi phí, định mức kinh tế-kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế nhằm góp phần giảm giá thành sản phẩm và làm cơ sở thực hiện tốt công tác chống tiêu cực, lãng phí.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, đặc biệt là các yếu tố đầu vào.

- Về kiểm soát nguyên vật liệu: Thường xuyên rà soát giá cả nguyên vật liệu đầu vào, tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn cung cấp nhưng vẫn bảo đảm chất lượng. Nghiên cứu, xem xét quản lý tập trung các nguồn lực nhằm giảm bớt các khâu trung gian trong hệ thống quản lý.

e. Tăng cường công tác tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát

- Tiếp tục cân đối nguồn vốn và xây dựng các giải pháp tài chính nhằm huy động vốn có hiệu quả đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, giảm thiểu chi phí tài chính để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Chú trọng công tác quản lý tài chính và hiệu quả sử dụng vốn, thường xuyên rà soát, xây dựng và ban hành lại các chi phí, định mức kinh tế-kỹ thuật, chi tiêu nội bộ một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm góp phần làm giảm giá thành sản phẩm và làm cơ sở thực hiện tốt công tác chống tiêu cực, lãng phí. Mục tiêu đảm bảo tiết giảm 5-10% chi phí trong định mức.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, đặc biệt là các yếu tố đầu vào, chi phí kinh doanh, chi tiêu, sử dụng vốn, định mức tiêu hao trong sản xuất... để kịp thời nhắc nhở, tư vấn cho các đơn vị thực hiện đúng quy định đồng thời có giải pháp kịp thời trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Thường xuyên rà soát giá cả nguyên vật liệu đầu vào, tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn cung cấp nhưng vẫn bảo đảm chất lượng. Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả vốn lưu động để vừa bảo toàn vốn, vừa đẩy mạnh kinh doanh, không để nợ xấu, nợ quá hạn.

f. Một số công tác khác

- Tiếp tục tăng cường đào tạo cho cán bộ quản lý và CNV để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục trọng điểm như: kho tàng (xây dựng kho cho các Chi nhánh nguyên liệu, cải tạo các hệ thống kho hiện có nhằm tăng năng lực và chất lượng kho chứa bảo quản nhằm giảm, thiếu chất lượng hàng hóa xuống cấp), cơ sở vật chất cho các đơn vị trực thuộc.

- Các hoạt động liên quan lĩnh vực trách nhiệm xã hội (SRTP), ISO:

001
CÔNG
CỐ PH
GÂN
DU-T

Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2008, ISO 14.001-2010 áp dụng có hiệu quả vào SXKD năm 2015.

V. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tiến hành triển khai công việc theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các kỳ báo cáo.

Đưa ra kế hoạch kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty trong kỳ và báo cáo tài chính các kỳ trong năm.

Đáp ứng được yêu cầu quản lý của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.

Phối kết hợp với các phòng chuyên môn tiến hành kiểm tra các mặt hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc, kiểm soát công tác kiểm kê đánh giá tài sản cuối năm và xử lý những mặt tồn tại làm cơ sở lập báo cáo tài chính.

Tham khảo ý kiến của kiểm toán, thuế trong việc quản lý chi phí, doanh thu, thuế và xử lý tài sản còn tồn đọng.

Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán quản trị chi phí, thẩm định lại báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty như:

- Báo cáo kiểm kê tài sản, báo cáo quyết toán thuế;
- Báo cáo tài chính đến 31 tháng 12 năm 2014;
- Và một số các báo cáo khác thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;
- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

Thù lao của Hội đồng quản trị:

Chủ tịch HĐQT: 3.500.000 đồng/tháng

Ủy viên HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

Thù lao Ban kiểm soát:

Trưởng ban kiểm soát: 2.500.000 đồng/tháng

Ủy viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng

VI. Báo cáo tài chính:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		385.858.967.756	527.137.603.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.527.340.645	6.054.076.295
1. Tiền	111		2.527.340.645	6.054.076.295
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.705.839.440	254.253.171.939
1. Phải thu của khách hàng	131	5	90.256.882.379	170.620.263.099
2. Trả trước cho người bán	132		838.254.257	1.188.193.157
5. Các khoản phải thu khác	135	6	24.271.723.007	83.144.546.731
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(661.020.203)	(699.831.048)
IV. Hàng tồn kho	140	7	260.872.815.311	250.470.840.493
1. Hàng tồn kho	141		269.740.921.479	250.470.840.493
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.868.106.168)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.752.972.360	16.359.514.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		113.220.570	426.099.143
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.376.802.969	8.841.295.468
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		262.948.821	7.092.120.221
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171.549.736.564	178.122.360.921
II. Tài sản cố định	220		144.120.813.254	146.496.274.380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	144.073.844.325	143.554.449.525
- Nguyên giá	222		237.682.078.766	217.385.935.615
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.608.234.441)	(73.831.486.090)
3. Tài sản cố định vô hình	227		46.968.929	88.852.864
- Nguyên giá	228		412.666.000	412.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(365.697.071)	(323.813.136)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.852.971.991
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	6.678.289.768	10.598.631.471
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	4.350.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.750.000.000	7.750.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.071.710.232)	(1.501.368.529)
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.750.633.542	21.027.455.070
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	20.750.633.542	21.027.455.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		557.408.704.320	705.259.964.480

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		380.570.020.059	548.976.238.687
I. Nợ ngắn hạn	310		346.302.871.906	501.021.521.682
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	287.709.967.868	371.625.977.021
2. Phải trả cho người bán	312	12	13.432.623.202	18.278.174.262
3. Người mua trả tiền trước	313		142.501.090	1.634.212.061
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	26.854.898.770	87.824.404.271
5. Phải trả người lao động	315		4.154.584.228	3.740.009.955
6. Chi phí phải trả	316	14	9.285.672.229	9.755.686.027
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	2.950.908.348	5.747.799.891
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.771.716.171	2.415.258.194
II. Nợ dài hạn	330		34.267.148.153	47.954.717.005
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	34.267.148.153	47.954.717.005
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.838.684.261	156.283.725.793
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	176.838.684.261	156.283.725.793
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		112.020.030.000	94.859.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.351.574.000	16.351.574.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25.413.040.128	24.059.973.128
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.937.431.000	4.260.898.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.547.402.636	2.870.869.636
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.569.206.497	13.880.881.029
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		557.408.704.320	705.259.964.480

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	595.576.339.741	409.843.686.490
4. Nợ khó đòi đã xử lý	609.021.714	609.021.714
5. Ngoại tệ các loại		
USD	889,49	947,68
EUR	0,12	0,12



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	723.663.949.166	879.450.719.941
2. Các khoản giảm trừ	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	723.663.949.166	879.450.719.941
4. Giá vốn hàng bán	11	19	610.144.957.268	764.032.083.771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.518.991.898	115.418.636.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.098.939.733	1.101.192.902
7. Chi phí tài chính	22	21	34.279.708.730	35.442.406.464
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>33.352.606.121</i>	<i>33.969.893.537</i>
8. Chi phí bán hàng	24	22	22.083.530.551	22.434.553.770
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	40.791.347.071	41.370.964.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.463.345.279	17.271.904.506
11. Thu nhập khác	31		115.057.274	4.615.620.684
12. Chi phí khác	32		15.778.544	3.845.827.210
13. Lợi nhuận khác	40		99.278.730	769.793.474
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	17.562.624.009	18.041.697.980
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	3.755.679.541	4.539.535.035
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	13.806.944.468	13.502.162.945
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.418	1.684
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.364	1.490

0010
ÔNG
Ổ PH
TÂN
DU - T.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.562.624.009	18.041.697.980
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	20.719.689.828	20.425.733.041
Các khoản dự phòng	03	8.979.637.026	131.697.954
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	312.686.907	576.586.510
Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(529.151.680)	(1.826.973.986)
Chi phí lãi vay	06	33.352.606.121	33.969.893.537
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.398.092.211	71.318.635.036
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	147.397.034.272	(184.271.131.792)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(19.270.080.986)	(44.808.959.903)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(69.597.370.023)	51.542.410.513
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	589.700.101	(335.242.447)
Tiền lãi vay đã trả	13	(33.607.588.661)	(30.675.397.612)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.206.372.579)	(2.945.380.467)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	77.300.000	406.643.856
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.647.375.023)	(358.167.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	100.133.339.312	(140.126.590.416)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(17.579.433.333)	(12.181.887.784)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	98.500.000	4.244.447.780
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.770.145.000	-
7. Thu lãi tiền cho vay	27	432.363.568	645.037.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.278.424.765)	(7.292.402.636)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	672.172.666.640	812.168.848.265
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(753.147.943.829)	(658.061.212.800)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.406.183.850)	(7.768.935.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.381.461.039)	146.338.700.415
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.526.546.492)	(1.080.292.637)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.054.076.295	7.134.368.932
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	(189.158)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.527.340.645	6.054.076.295



VII. Bản giải trình báo cáo tài chính

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Địa chỉ: Tầng 12. Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân, Hà Nội

- **Ý kiến của kiểm toán viên:** Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- Lưu: TCKT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vương Đình Hải

C.P.